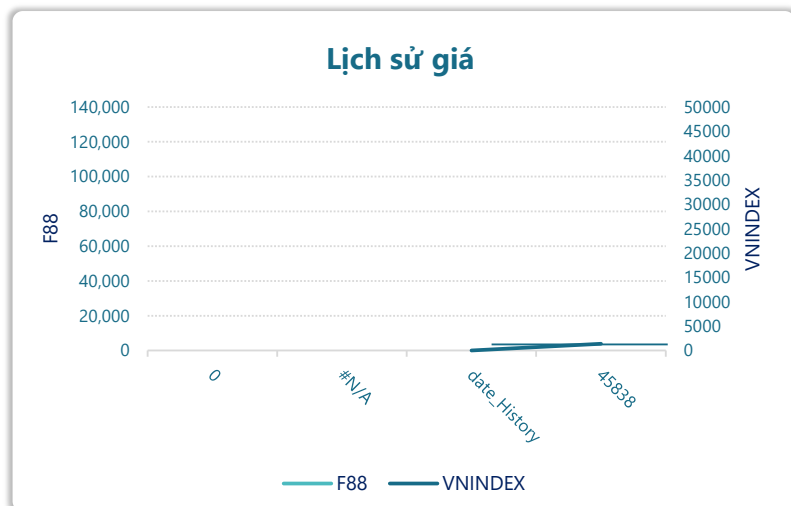


CTCP Đầu tư F88 (UPCOM: F88)



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	133,036
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	90,616
SL cổ phiếu LH	8,264,612
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	57.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	
P/E	
EPS	

DT thuần

Q2/25

tỷ VNĐ

LN sau thuế

Q2/25

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

#VALUE!

#VALUE!

DT thuần

6T 2025

tỷ VNĐ

LN sau thuế

6T 2025

tỷ VNĐ

ROE

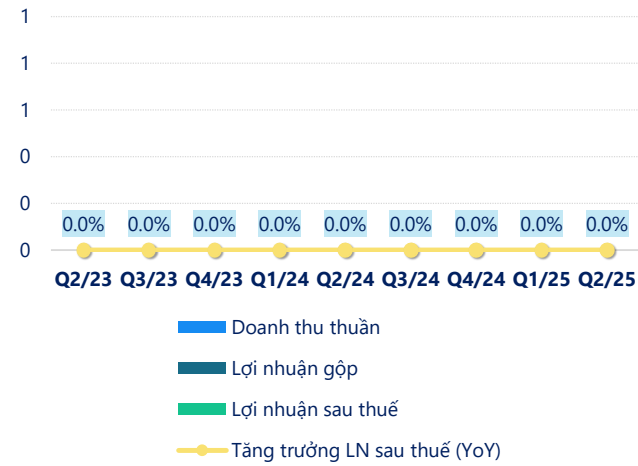
Q2/25

#VALUE!

#VALUE!

tỷ VNĐ

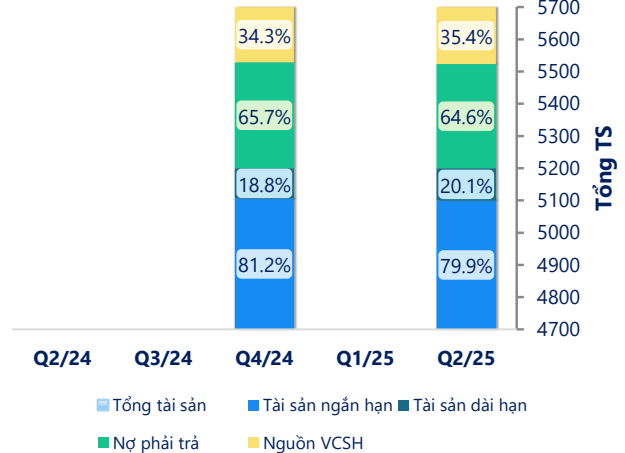
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

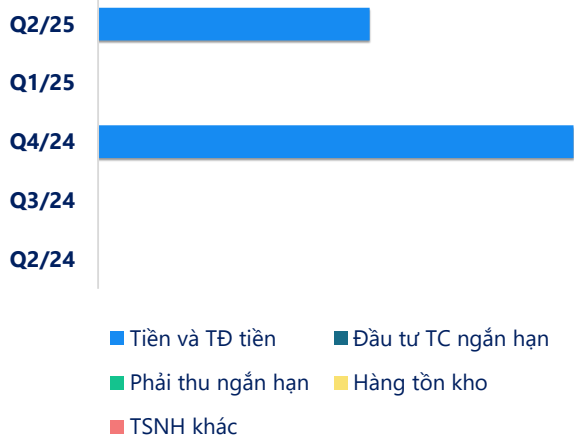
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



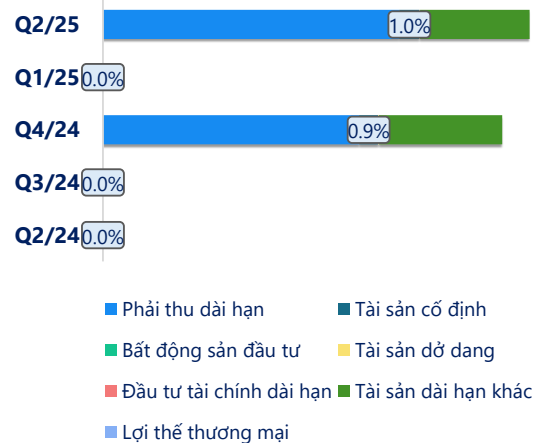
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

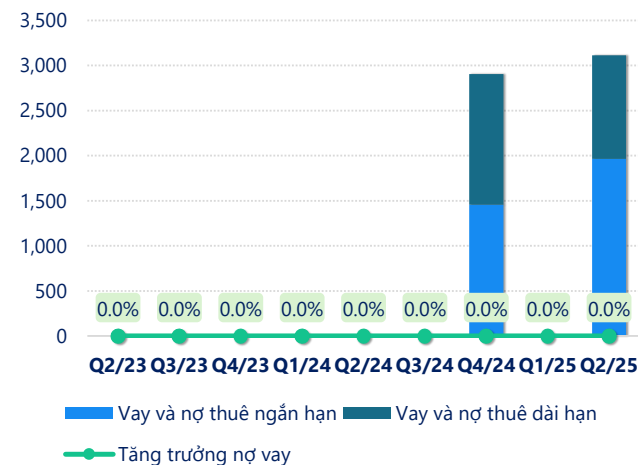
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

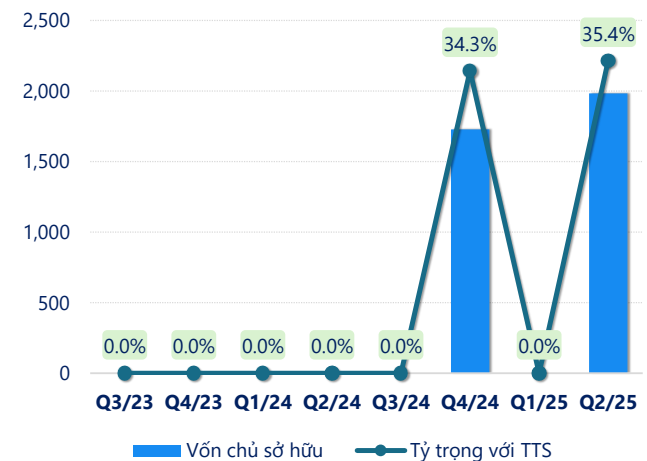
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

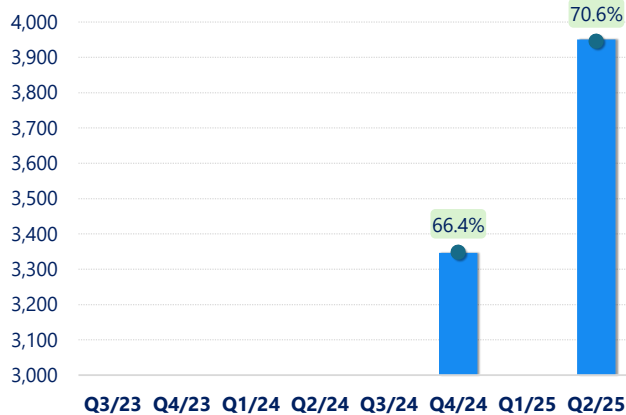
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

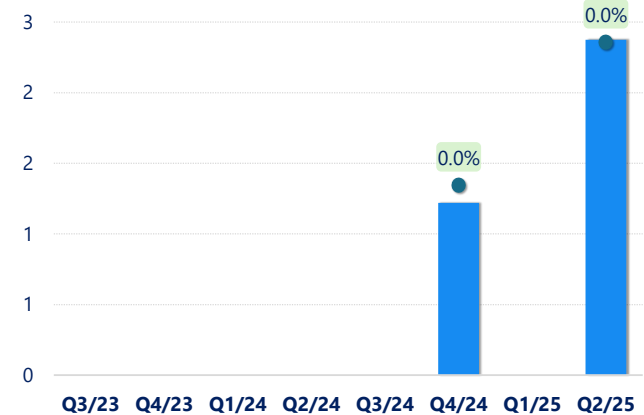
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


Phải thu ngắn hạn Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

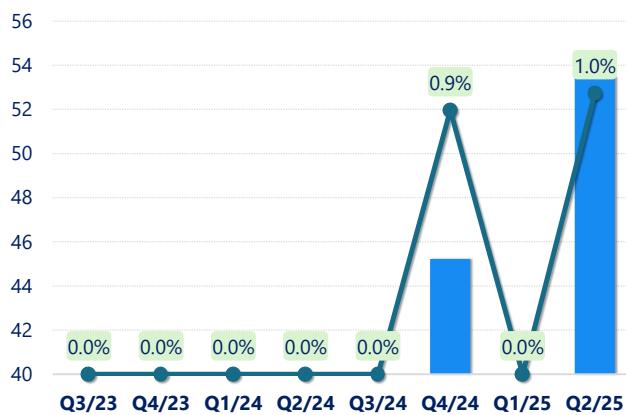
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


Hàng tồn kho Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

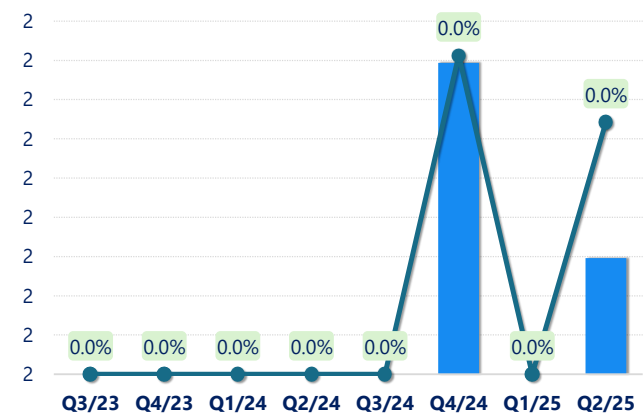
tỷ VNĐ

Tài sản cố định


Tài sản cố định Tỷ trọng với TTS

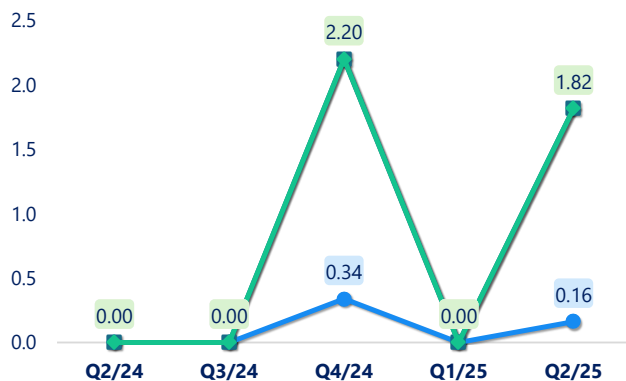
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


Tài sản dở dang Tỷ trọng với TTS

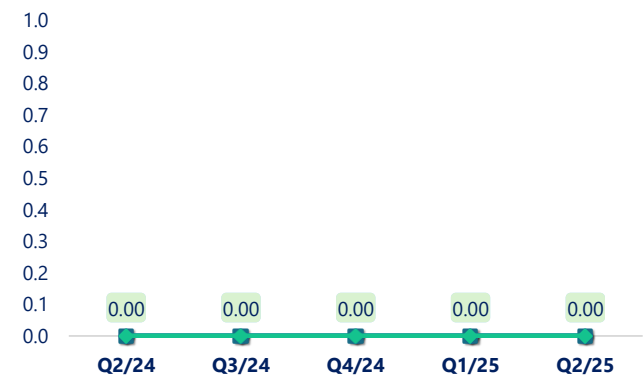
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


Tỷ số thanh toán tiền mặt Tỷ số thanh toán nhanh

Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


Vòng quay TSCĐ Vòng quay Tổng TS

Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản			5,036		5,594
Tài sản ngắn hạn			4,091		4,472
Tiền và tương đương tiền			630		400
Đầu tư tài chính ngắn hạn			72.7		71.7
Phải thu ngắn hạn			3,346		3,950
Hàng tồn kho			1.22		2.37
Tài sản ngắn hạn khác			40.3		47.0
Tài sản dài hạn			946		1,122
Phải thu dài hạn			606		779
Tài sản cố định			45.2		53.5
Bất động sản đầu tư			0		0
Tài sản dở dang			2.05		1.80
Đầu tư tài chính dài hạn			0		0
Tài sản dài hạn khác			292		288
Lợi thế thương mại			0		0
Nợ phải trả			3,309		3,611
Nợ ngắn hạn			1,859		2,461
Vay và nợ thuê ngắn hạn			1,457		1,965
Phải trả người bán ngắn hạn			8.98		8.93
Nợ dài hạn			1,450		1,150
Vay và nợ thuê dài hạn			1,450		1,150
Nguồn vốn chủ sở hữu			1,728		1,983
Vốn chủ sở hữu			1,728		1,983
Vốn điều lệ			82.6		82.6
Kinh phí và quỹ khác			0		0

(Nguồn: fireant.vn)